CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH **SỐ 5 – QUỐC GIA** **CHI NHÁNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 229/2026/CNTH-TB	*Thanh Hóa, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất gồm 74 lô đất thuộc mặt bằng xen cư dọc tuyến đường giao thông từ kênh Phúc Ngư đến thôn Giang Sơn, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá:

- UBND xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Thôn An Lạc, xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hoá.

3. Thông tin tài sản đấu giá:

3.1. Vị trí khu đất đấu giá:

Khu đất đấu giá bao gồm 74 lô đất trên địa bàn xã Hoằng Tiến thuộc mặt bằng xen cư dọc tuyến đường giao thông từ kênh Phúc Ngư đến thôn Giang Sơn, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa).

3.2. Giá khởi điểm, diện tích và hiện trạng của các lô đất đấu giá:

* Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo*

* Tổng diện tích các lô đất đưa ra đấu giá: 9.163,81 m^2, được chia thành 74 lô đất.

* Hiện trạng:

- San nền: Nền hiện trạng mặt bằng quy hoạch.
- Đường quy hoạch: Đã có đường theo quy hoạch.
- Hệ thống thoát nước: Đã có theo quy hoạch.
- Hệ thống điện chiếu sáng và vỉa hè lát đá: Đã có theo quy hoạch.

* Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá tại thời điểm bán đấu giá: Hạ tầng kỹ thuật phải được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo mặt bằng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

5.1. Tiền mua hồ sơ: 200.000 đồng/01 hồ sơ. Giá tiền mua hồ sơ là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại).

5.2. Tiền đặt trước: Từ 993.600.000 đồng đến 2.387.400.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá một vòng, bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại Phiên đấu giá.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trường hợp lô đất tổ chức đấu giá có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người yêu cầu đấu giá tiếp). Bước giá để tổ chức đấu giá tiếp là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024; có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật đất đai năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 đực sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

7.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa *(có dấu đỏ),(trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định, không thuộc các trường hợp bị cấm tham gia đấu giá và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá);*

- Bản sao CC/CCCD của người tham gia đấu giá *(còn thời hạn).*

- Bản sao CC/CCCD của cả vợ và chồng (trừ trường hợp có nhu cầu đứng tên tài sản riêng)

- Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật *(nếu có ủy quyền, mẫu Hợp đồng ủy quyền có trong hồ sơ mời tham gia đấu giá).*

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lượng lô đất đăng ký.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức Phiên đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ *(Trong giờ hành chính)*:

+ Tại trụ sở UBND xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa: Từ 07h30'ngày 04/11/2026 đến 17h00' ngày 17/11/2026.

+ Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa: Từ 07h30'ngày 04/11/2026 đến 17h00' ngày 18/11/2026.

**** Lưu ý: Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ: 17h00' ngày 18/11/2026***

- Xem tài sản *(Trong giờ hành chính)*: Liên tục trong 03 ngày: từ 07h30' ngày 10/11/2026 đến 17h00' ngày 12/11/2026 tại thực địa khu đất đấu giá.

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH, Quy chế và thông báo, được niêm yết tại UBND xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa; Nơi tổ chức phiên đấu giá: Hội trường UBND xã Hoằng Tiến và trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:

Thời gian nộp: ***Từ 07h30'ngày 04/11/2026 đến 17h00' ngày 18/11/2026***

Hình thức nộp: Nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: **Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa**

+ Số tài khoản **136863868**

+ Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Thanh Hoá

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: *"Họ tên người tham gia đấu giá, Số CC/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá tại xã Hoằng Tiến (Số lượng .... lô đất)".*



Lưu ý:

*+ Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ trên thông tin số dư tài khoản hiển thị **"Báo có"** vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa tính đến 17h00' ngày 18/11/2026. Trường hợp khoản tiền đặt trước về tài khoản của Công ty sau 17h00' ngày 18/11/2026 sẽ không hợp lệ.*

*+ Trường hợp khách hàng nộp tổng số tiền đặt trước đăng ký tham gia đấu giá không trùng khớp với tổng số tiền đặt trước tương ứng với số lượng hồ sơ đã đăng ký trong Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, thì khách hàng có trách nhiệm đến trực tiếp công ty hoặc gửi xác nhận qua tin nhắn về số điện thoại 0913.106.219 hoặc Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com về việc lựa chọn mức tiền đặt trước tham gia đấu giá tương ứng với từng lô đất. Thời hạn công ty tiếp nhận thông tin của khách hàng chậm nhất đến **17h00' ngày 19/11/2026**.*

Quá thời hạn nêu trên, nếu khách hàng không thực hiện xác nhận, Công ty sẽ căn cứ vào tổng số tiền đặt trước thực tế khách hàng đã nộp để phân bổ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá theo thứ tự các mức tiền đặt trước tương ứng với danh mục các lô đất được quy định trong Thông báo mời tham gia đấu giá và Quy chế cuộc đấu giá.

- Tổ chức Phiên đấu giá: Vào hồi 08h00 phút ngày 23/11/2026 – Thứ 2 tại Hội trường UBND xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa.

- Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Số điện thoại: 0237.3511969 hoặc 0913106219 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

- Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:
- Cổng ĐG tài sản quốc gia – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo và Đài phát thanh truyền hình Thanh Hóa (Q/C);
- UBND xã Hoằng Tiến (N/Y);
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.

TRƯỞNG CHI NHÁNH

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH SỐ 5-QUỐC GIA CHI NHÁNH THANH HÓA

Kiều Thị Lan

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
SỐ 5 – QUỐC GIA
CHI NHÁNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 11 năm 2026

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất Mặt bằng xen cư dọc tuyến đường giao thông từ kênh Phúc Ngư đến thôn Giang Sơn, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

(Kèm theo Thông báo số: 229/2026/CNTH-TB ngày 03/11/2026 của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số mặt đường	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/01 hồ sơ/ 01 lô đất)	Ghi chú
1	LK1:01	127,47	27.600.000	1,2	3.518.172.000	200.000	1.759.086.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
2	LK1:02	136,30	23.000.000	1,0	3.134.900.000	200.000	1.567.450.000	
3	LK1:03	135,71	23.000.000	1,0	3.121.330.000	200.000	1.560.665.000	
4	LK1:04	86,40	23.000.000	1,0	1.987.200.000	200.000	993.600.000	
5	LK1:05	122,47	23.000.000	1,0	2.816.810.000	200.000	1.408.405.000	
6	LK1:06	139,80	27.600.000	1,2	3.858.480.000	200.000	1.929.240.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
7	LK2:01	138,25	27.600.000	1,2	3.815.700.000	200.000	1.907.850.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
8	LK2:02	140,25	23.000.000	1,0	3.225.750.000	200.000	1.612.875.000	
9	LK2:03	140,25	23.000.000	1,0	3.225.750.000	200.000	1.612.875.000	
10	LK2:04	138,25	23.000.000	1,0	3.179.750.000	200.000	1.589.875.000	
11	LK3:01	148,30	23.000.000	1,0	3.410.900.000	200.000	1.705.450.000	
12	LK3:02	153,34	23.000.000	1,0	3.526.820.000	200.000	1.763.410.000	
13	LK3:03	156,38	23.000.000	1,0	3.596.740.000	200.000	1.798.370.000	
14	LK3:04	159,42	23.000.000	1,0	3.666.660.000	200.000	1.833.330.000	
15	LK3:05	158,95	27.600.000	1,2	4.387.020.000	200.000	2.193.510.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
16	LK4:01	98,60	27.600.000	1,2	2.721.360.000	200.000	1.360.680.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
17	LK5:01	138,64	23.000.000	1,0	3.188.720.000	200.000	1.594.360.000	
18	LK5:02	148,44	27.600.000	1,2	4.096.944.000	200.000	2.048.472.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
19	LK6:01	111,60	27.600.000	1,2	3.080.160.000	200.000	1.540.080.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
20	LK6:02	95,81	23.000.000	1,0	2.203.630.000	200.000	1.101.815.000	

21	LK6:03	101,09	27.600.000	1,2	2.790.084.000	200.000	1.395.042.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
22	LK7:01	94,00	23.000.000	1,0	2.162.000.000	200.000	1.081.000.000	
23	LK7:02	135,85	23.000.000	1,0	3.124.550.000	200.000	1.562.275.000	
24	LK7:03	135,85	23.000.000	1,0	3.124.550.000	200.000	1.562.275.000	
25	LK7:04	144,30	27.600.000	1,2	3.982.680.000	200.000	1.991.340.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
26	LK8:01	179,35	23.000.000	1,0	4.125.050.000	200.000	2.062.525.000	
27	LK8:02	140,00	23.000.000	1,0	3.220.000.000	200.000	1.610.000.000	
28	LK8:03	142,20	27.600.000	1,2	3.924.720.000	200.000	1.962.360.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
29	LK9:01	98,00	27.600.000	1,2	2.704.800.000	200.000	1.352.400.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
30	LK9:02	100,00	23.000.000	1,0	2.300.000.000	200.000	1.150.000.000	
31	LK9:03	100,00	23.000.000	1,0	2.300.000.000	200.000	1.150.000.000	
32	LK9:04	87,50	23.000.000	1,0	2.012.500.000	200.000	1.006.250.000	
33	LK9:05	87,50	23.000.000	1,0	2.012.500.000	200.000	1.006.250.000	
34	LK9:06	87,50	23.000.000	1,0	2.012.500.000	200.000	1.006.250.000	
35	LK9:07	85,50	27.600.000	1,2	2.359.800.000	200.000	1.179.900.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
36	LK10:01	104,64	27.600.000	1,2	2.888.064.000	200.000	1.444.032.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
37	LK10:02	112,75	27.600.000	1,2	3.111.900.000	200.000	1.555.950.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
38	LK11:01	94,00	27.600.000	1,2	2.594.400.000	200.000	1.297.200.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
39	LK11:02	96,00	23.000.000	1,0	2.208.000.000	200.000	1.104.000.000	
40	LK11:03	87,20	23.000.000	1,0	2.005.600.000	200.000	1.002.800.000	
41	LK11:04	85,20	27.600.000	1,2	2.351.520.000	200.000	1.175.760.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
42	LK12:01	130,00	27.600.000	1,2	3.588.000.000	200.000	1.794.000.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
43	LK12:02	121,00	23.000.000	1,0	2.783.000.000	200.000	1.391.500.000	
44	LK12:03	121,00	23.000.000	1,0	2.783.000.000	200.000	1.391.500.000	
45	LK12:04	121,00	23.000.000	1,0	2.783.000.000	200.000	1.391.500.000	
46	LK12:05	98,26	23.000.000	1,0	2.259.980.000	200.000	1.129.990.000	
47	LK12:06	101,61	23.000.000	1,0	2.337.030.000	200.000	1.168.515.000	
48	LK12:07	118,24	27.600.000	1,2	3.263.424.000	200.000	1.631.712.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
49	LK13:01	155,00	27.600.000	1,2	4.278.000.000	200.000	2.139.000.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
50	LK13:02	155,00	27.600.000	1,2	4.278.000.000	200.000	2.139.000.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
51	LK14:01	104,57	27.600.000	1,2	2.886.132.000	200.000	1.443.066.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
52	LK14:02	104,22	23.000.000	1,0	2.397.060.000	200.000	1.198.530.000	

53	LK14:03	106,83	23.000.000	1,0	2.457.090.000	200.000	1.228.545.000	
54	LK14:04	109,45	23.000.000	1,0	2.517.350.000	200.000	1.258.675.000	
55	LK14:05	109,87	23.000.000	1,0	2.527.010.000	200.000	1.263.505.000	
56	LK14:06	111,24	23.000.000	1,0	2.558.520.000	200.000	1.279.260.000	
57	LK14:07	112,62	23.000.000	1,0	2.590.260.000	200.000	1.295.130.000	
58	LK14:08	131,51	27.600.000	1,2	3.629.676.000	200.000	1.814.838.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
59	LK15:01	108,31	27.600.000	1,2	2.989.356.000	200.000	1.494.678.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
60	LK15:02	111,11	23.000.000	1,0	2.555.530.000	200.000	1.277.765.000	
61	LK15:03	109,91	23.000.000	1,0	2.527.930.000	200.000	1.263.965.000	
62	LK16:01	167,00	27.600.000	1,2	4.609.200.000	200.000	2.304.600.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
63	LK16:02	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
64	LK16:03	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
65	LK16:04	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
66	LK16:05	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
67	LK16:06	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
68	LK16:07	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
69	LK16:08	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
70	LK16:09	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
71	LK16:10	130,00	23.000.000	1,0	2.990.000.000	200.000	1.495.000.000	
72	LK16:11	167,00	27.600.000	1,2	4.609.200.000	200.000	2.304.600.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
73	LK17:01	173,00	27.600.000	1,2	4.774.800.000	200.000	2.387.400.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
74	LK17:02	173,00	23.000.000	1,0	3.979.000.000	200.000	1.989.500.000	
Tổng 74 lô đất		**9.163,81**			**225.949.562.000**		**112.974.781.000**	